

Số: /SGDDĐT-QLCLCNTT
V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ
ứng dụng CNTT và thống kê giáo
dục năm học 2022-2023

Đắk Lắk, ngày tháng 9 năm 2022

Kính gửi:

- Phòng giáo dục và đào tạo các huyện, Thị xã, Thành phố;
- Các trường THPT, trường phổ thông nhiều cấp học;
- Trung tâm GDNN-GDTX các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm GDTX tỉnh;
- Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT Đắk Lắk;
- Trung tâm Hỗ trợ PTGDHN trẻ khuyết tật Đắk Lắk;
- Trường Cao đẳng sư phạm Đắk Lắk.

Thực hiện Chỉ thị số 1112/CT-BGDĐT ngày 19/8/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm học 2022-2023; Công văn số 4267/BGDĐT-CNTT ngày 31/8/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2022-2023, Sở GDĐT hướng dẫn các đơn vị thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2022-2023 như sau:

I. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 18/KH-SGDĐT ngày 10/3/2021 của Sở GDĐT về việc ứng dụng CNTT, phát triển Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động của Sở GDĐT giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 27/KH-SGDĐT ngày 21/5/2021 của Sở GDĐT về việc chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 51/KH-SGDĐT ngày 26/8/2021 của Sở GDĐT về việc ứng dụng CNTT trong quản lý giáo dục và dạy học, giai đoạn 2021-2022.

2. Tiếp tục duy trì hình thức dạy học trực tuyến kết hợp dạy học trực tiếp nhằm hỗ trợ đổi mới phương pháp dạy học, góp phần nâng cao chất lượng dạy học.

a) Tổ chức hình thức dạy học trực tuyến theo quy định tại Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ GDĐT phù hợp với điều kiện của mỗi cơ sở giáo dục nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả và đổi mới phương pháp dạy học ngay cả trong điều kiện học sinh đến lớp bình thường.

b) Sử dụng tối đa lợi ích của phần mềm quản lý học tập (LMS) trong kết nối và tổ chức các hoạt động giáo dục giữa cơ sở giáo dục, giáo viên với học sinh trong việc hướng dẫn học sinh tự học, kiểm tra đánh giá và phối hợp với gia đình; có lộ trình kết nối, tích hợp, trao đổi dữ liệu giữa các phần mềm dạy học trực tuyến với phần mềm quản trị ở cơ sở giáo dục.

c) Tiếp tục phát triển học liệu số bảo đảm chất lượng: Huy động giáo viên tham gia đóng góp học liệu số để chia sẻ dùng chung; phát huy vai trò của tổ chuyên môn trong đánh giá, lựa chọn học liệu số trước khi đưa vào sử dụng; hướng dẫn giáo viên tham khảo các học liệu số giới thiệu từ Bộ GDĐT và các nguồn tài nguyên tin cậy trên Internet.

d) Tiếp tục triển khai hệ thống thư viện điện tử (bao gồm phần mềm quản trị thư viện và cơ sở dữ liệu (CSDL) số hóa sách và tài nguyên phục vụ dạy học), kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ tài nguyên số hóa giữa các cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên.

2. Tiếp tục triển khai phần mềm quản trị trong các cơ sở giáo dục, kết nối thông suốt với CSDL giáo dục địa phương và CSDL ngành

a) Tiếp tục triển khai nền tảng quản trị cơ sở giáo dục tích hợp không gian làm việc số tới các cơ sở giáo dục.

b) Triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử gồm: Sổ điểm điện tử, học bạ điện tử (khuyến khích áp dụng chứng thư số); ứng dụng kết nối, tương tác, trao đổi thông tin giữa phụ huynh với cơ sở giáo dục trên nền tảng số, khuyến khích áp dụng các giải pháp miễn phí như tin nhắn OTT, email, ứng dụng trên thiết bị di động và website giáo dục (hiện nay Bộ GDĐT đang có kế hoạch xây dựng phần mềm quản trị trong các cơ sở giáo dục dùng chung, miễn phí cho tất cả các cơ sở giáo dục, dự kiến hoàn thành trong năm 2023).

3. Tiếp tục mở rộng, hoàn thiện CSDL về giáo dục cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, chính xác và kịp thời.

a) Xây dựng, mở rộng CSDL và triển khai hệ thống thông tin quản lý ngành giáo dục (tại địa chỉ csdl.moet.gov.vn) nhằm cung cấp thông tin kịp thời phục vụ công tác báo cáo, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo, kiểm tra và thanh tra của các cơ quan quản lý giáo dục; các cơ sở giáo dục tập trung hoàn thiện cập nhật mã số định danh của học sinh và kết quả học tập của học sinh trên CSDL ngành Giáo dục theo từng kỳ học, đặc biệt thông tin của học sinh lớp 12 phục vụ kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và xét tuyển vào đại học.

b) Việc xây dựng CSDL về giáo dục thực hiện theo Thông tư số 42/2021/TT - BGDDT ngày 30/12/2021 quy định về CSDL GDĐT và Quyết định số 4998/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2021 ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu của CSDL GDĐT của Bộ GDĐT.

c) Tổ chức thực hiện báo cáo thống kê giáo dục định kỳ đối với giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên cấp Trường, Phòng, và Sở GDĐT (kỳ đầu năm học và kỳ cuối năm học) đúng thời hạn, đầy đủ, chính xác theo quy định tại Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT ngày 28/9/2018 về chế độ báo cáo thống kê ngành Giáo dục và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ GDĐT.

4. Đẩy mạnh triển khai hiệu quả dịch vụ công trực tuyến trong giáo dục

Tiếp tục triển khai dịch vụ có hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến trong ngành giáo dục, ưu tiên một số dịch vụ: Dịch vụ đăng ký thi tốt nghiệp trung học phổ thông trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Quốc gia mức độ 3; dịch vụ đăng ký nguyện vọng xét tuyển vào đại học trên Cổng dịch vụ công Quốc gia mức độ 4; dịch vụ trực tuyến về xét tuyển học sinh đầu cấp mức độ 3, mức độ 4 và dịch vụ công nhận văn bằng, chứng chỉ trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

5. Đẩy mạnh triển khai thanh toán không dùng tiền mặt

Đẩy mạnh hình thức thanh toán học phí, các khoản thu bằng hình thức trực tuyến không dùng tiền mặt; kết nối phần mềm quản lý tài chính của cơ sở giáo dục với các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá

1.1. Tăng cường nguồn học liệu số đảm bảo chất lượng hỗ trợ kịp thời cho giáo viên, học sinh, phụ huynh khi triển khai các hoạt động dạy học trực tuyến; khuyến khích giáo viên tham gia Cuộc thi Thiết kế bài giảng điện tử của ngành Giáo dục; huy động giáo viên tham gia đóng góp nguồn học liệu để chia sẻ dùng chung; phát huy vai trò của tổ chuyên môn trong đánh giá, lựa chọn học liệu số trước khi đưa vào sử dụng ở nhà trường; hướng dẫn giáo viên tham khảo các nguồn tài nguyên giới thiệu từ website Bộ, chuyên mục “*Hỗ trợ dạy học trực tuyến*”.

- Có lộ trình xây dựng, triển khai nền tảng, giải pháp phần mềm quản lý, tổ chức dạy học trực tuyến theo hướng kết hợp, tích hợp các chức năng của các Hệ thống quản lý học tập trực tuyến, Hệ thống quản lý nội dung học tập với Phần mềm tổ chức dạy học trực tiếp; kết nối trao đổi dữ liệu với phần mềm quản lý trường học theo mã định danh và cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục, hướng đến việc sử dụng phần mềm dạy học trực tuyến có sự thống nhất, đồng bộ cao trong mỗi nhà trường, trên mỗi địa bàn, trên nền tảng dùng chung của cả nước.

1.2. Rà soát, phát triển hệ thống thư viện điện tử (bao gồm phần mềm quản trị thư viện và cơ sở dữ liệu số hóa sách và tài liệu phục vụ dạy học), kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ tài liệu số hóa giữa các cơ sở giáo dục.

1.3. Tiếp tục thí điểm triển khai các mô hình dạy - học tiên tiến trên nền tảng số (lớp học thông minh, nhóm học tương tác, tự học với trợ lý ảo) phù hợp với điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế của mỗi nhà trường.

2. Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong đổi mới phương thức quản trị cơ sở giáo dục và quản lý nhà nước về giáo dục theo hướng tinh gọn, hiệu quả, minh bạch

2.1. Triển khai nền tảng quản trị nhà trường tích hợp không gian làm việc số tới 100% cơ sở giáo dục, tạo môi trường làm việc và tương tác trực tuyến cho cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo, nhân viên và hướng đến là người học; phần mềm

quản trị nhà trường phải đáp ứng quy định kỹ thuật về dữ liệu của Bộ GDĐT và kết nối trao đổi liên thông dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục.

2.2. Trên nền tảng cơ sở dữ liệu, tích hợp hoặc triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử gồm: sổ điểm điện tử, học bạ điện tử (có thể in ra từ phần mềm, đáp ứng đúng, đủ nội dung, có xác nhận của người có thẩm quyền hoặc gắn chữ ký số), thanh toán không dùng tiền mặt, truyền thông và kết nối với các nền tảng ứng dụng trong và ngoài ngành Giáo dục; triển khai ứng dụng kết nối, tương tác, trao đổi thông tin giữa phụ huynh với nhà trường trên nền tảng số, khuyến khích áp dụng các giải pháp miễn phí như tin nhắn OTT, email, ứng dụng trên thiết bị di động và website giáo dục.

2.3. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu và triển khai hệ thống thông tin quản lý ngành Giáo dục (tại địa chỉ csdl.moet.gov.vn) đảm bảo phục vụ tất cả cơ quan quản lý giáo dục, bao gồm cơ sở dữ liệu về: mạng lưới trường, lớp học, người học (kết quả của quá trình học tập, rèn luyện; hồ sơ sức khỏe); đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và nhà giáo, cơ sở vật chất và thiết bị trường học, tài chính - đầu tư, nước sạch, nhà vệ sinh trường học, công tác y tế trường học; kết nối đầy đủ, toàn diện dữ liệu từ các cơ sở giáo dục, phòng GDĐT, Sở GDĐT đến Bộ GDĐT; kết nối dữ liệu giữa ngành Giáo dục với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu của địa phương phục vụ công tác báo cáo, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo, kiểm tra và thanh tra của các cơ quan quản lý giáo dục.

2.4. Thực hiện thanh toán học phí không dùng tiền mặt; tiếp tục sử dụng có hiệu quả hệ thống quản lý hành chính điện tử (e-office), liên thông trao đổi văn bản điện tử giữa tất cả các cơ sở giáo dục với các cơ quan quản lý giáo dục ở địa phương; giữa Sở GDĐT với Bộ GDĐT.

2.5. Tăng cường ứng dụng công nghệ để tổ chức họp, hội nghị, hội thảo, dự giờ và tổ chức sinh hoạt chuyên môn, đặc biệt đối với hình thức tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường, huyện, Thị xã, Thành phố; tiếp tục triển khai hiệu quả hệ thống hội nghị trực tuyến giữa Bộ GDĐT với Sở GDĐT.

2.6. Triển khai có hiệu quả Cổng thông tin điện tử, thư điện tử giáo dục theo quy định tại Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05/10/2020 của Bộ GDĐT; triển khai hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục và chống mù chữ theo Thông tư số 35/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT (địa chỉ truy cập: <http://pcgd.moet.gov.vn>); triển khai ứng dụng An toàn COVID-19 (antoancovid.vn) tới 100% cơ sở giáo dục ngay từ đầu năm học, giúp công khai thông tin và chuẩn bị tốt điều kiện đảm bảo an toàn dịch bệnh trong nhà trường.

2.7. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT tập huấn giáo viên qua Internet theo hướng dẫn của Thông tư số 21/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017; báo cáo kịp thời kết quả tập huấn giáo viên về Hệ thống thông tin quản lý quá trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên (TEMIS) theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

3. Triển khai hiệu quả công tác thống kê giáo dục (trên phần mềm CSDL ngành)

Tổ chức thực hiện báo cáo thống kê giáo dục định kỳ đối với giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên cấp trường, phòng GDĐT và Sở GDĐT (kỳ đầu năm học và kỳ cuối năm học) đúng thời hạn, đầy đủ và chính xác theo quy định tại Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT ngày 28/9/2018 về Chế độ báo cáo thống kê ngành Giáo dục và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ GDĐT. Trong đó cần chú ý:

- Rà soát kỹ và nhập đầy đủ thông tin về: trường học có sử dụng máy tính, có Internet cho dạy học, có điện, có nguồn nước sạch, có nước uống; về học sinh: năm sinh, tình trạng lên lớp, lưu ban, bỏ học; về đội ngũ: năm sinh, trình độ được đào tạo, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm,.. (đây là thông tin hay bị bỏ qua).

- Kiểm tra, rà soát, đánh giá tính khớp đúng các chỉ tiêu theo mẫu biểu báo cáo thống kê trước khi nộp lên cấp trên (như các thông tin trường, quy mô học sinh, số học sinh đi học đúng tuổi, số học sinh lưu ban, bỏ học, số hiệu trưởng, số giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn trình độ đào tạo, thông tin phổ cập giáo dục của các huyện, Thị xã, Thành phố, các chỉ tiêu tỷ lệ theo từng cấp học, số liệu chi ngân sách nhà nước cho giáo dục,...).

Cụ thể, cần thực hiện theo các bước sau:

3.1. Nghiên cứu thực hiện theo các văn bản, tài liệu

- Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành Giáo dục (Thông tư 24);

- Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GDĐT quy định về Cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo (Thông tư 42);

- Tài liệu Hướng dẫn quy trình xây dựng CSDL ngành GDĐT kèm theo công văn số 1527/BGDĐT-CNTT ngày 17/4/2018 của Bộ GDĐT; Tài liệu hướng dẫn sử dụng trực tuyến các chức năng của phần mềm tại địa chỉ <http://huongdan.csdl.moet.gov.vn> và các thông báo được cập nhật tại trang chủ csdl.moet.gov.vn.

3.2. Triển khai thực hiện báo cáo thống kê giáo dục kỳ đầu và kỳ cuối năm học 2022-2023

a) Đối với các phòng giáo dục và đào tạo

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trên địa bàn cập nhật số liệu vào phần mềm CSDL ngành (số liệu kỳ đầu năm học tính đến ngày **30/9/2022**, kỳ cuối năm học tính đến ngày **31/5/2023**) đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và nộp báo cáo lên phòng GDĐT (kỳ đầu năm trước ngày **15/10/2022**, kỳ cuối năm trước ngày **15/6/2023**).

- Thực hiện rà soát, kiểm tra, duyệt dữ liệu báo cáo của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Khoản 4, Điều 11 của Thông tư 42.

- Gửi báo cáo về Sở GDĐT (kỳ đầu năm trước ngày **20/10/2022**, kỳ cuối

năm trước ngày **20/6/2023**) theo 2 hình thức: bằng văn bản giấy (có chữ ký, đóng dấu của thủ trưởng đơn vị gửi về các phòng chuyên môn phụ trách theo cấp học: mầm non, tiểu học gửi về Phòng GDTH-GDMN; THCS gửi về Phòng GDTrH-GDTX) và qua hệ thống báo cáo trực tuyến tại địa chỉ <http://csdl.moet.gov.vn>.

b) Đối với các cơ sở giáo dục khác

- Thực hiện cập nhật đầy đủ thông tin, số liệu, các biến động kỳ đầu năm học 2021-2022 (kỳ đầu năm học số liệu tính đến **30/9/2022**, kỳ cuối năm học tính đến **31/5/2023**); rà soát, kiểm tra dữ liệu đảm bảo tính chính xác, đầy đủ.

- Gửi báo cáo về Sở GDĐT (kỳ đầu năm trước ngày **20/10/2022**, kỳ cuối năm trước ngày **20/6/2023**) theo 2 hình thức: bằng văn bản giấy (có chữ ký, đóng dấu của thủ trưởng đơn vị gửi về các phòng chuyên môn phụ trách theo cấp học: tiểu học gửi về Phòng GDTH-GDMN; THCS, THPT và GDTX gửi về Phòng GDTrH-GDTX) và qua hệ thống báo cáo trực tuyến tại địa chỉ <http://csdl.moet.gov.vn>.

c) Đối với các phòng chuyên môn thuộc Sở

Các phòng chuyên môn thực hiện kiểm tra, đối soát với số liệu báo cáo thường xuyên của các cơ sở giáo dục đảm bảo chính xác và duyệt dữ liệu báo cáo của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý; nộp báo cáo về phòng QLCL-CNTT (kỳ đầu năm trước ngày **25/10/2022**, kỳ cuối năm trước **25/6/2023**) để tổng hợp gửi Bộ.

4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực số phục vụ chuyển đổi số và làm công tác thống kê trong ngành Giáo dục

4.1. Rà soát, tổ chức các khóa bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT và chuyển đổi số cho giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý giáo dục và học sinh. Nội dung bồi dưỡng gắn với nhu cầu thực tiễn về triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong nhà trường, xem xét triển khai tập huấn phù hợp một số nội dung:

- Kỹ năng tổ chức, quản lý các hoạt động dạy học trực tuyến gồm: tổ chức và quản lý lớp học trực tuyến, xây dựng học liệu, khai thác các nguồn học liệu, tìm kiếm thông tin trên Internet; kỹ năng sử dụng các phần mềm trình chiếu, phần mềm soạn bài giảng e-learning, soạn câu hỏi trắc nghiệm trực tuyến, phần mềm mô phỏng, thí nghiệm ảo, phần mềm dạy học, khai thác sử dụng các thiết bị công nghệ để đổi mới nội dung, phương pháp dạy học; kỹ năng tổ chức và quản lý các hoạt động dạy học trực tuyến.

- Kỹ năng về quản lý, triển khai có hiệu quả các phần mềm quản trị trong nhà trường; kỹ năng quản lý, báo cáo và khai thác sử dụng có hiệu quả các phần mềm dùng chung của ngành Giáo dục như: các phân hệ báo cáo trên phần mềm cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục, hệ thống thông tin quản lý thông tin phổ cập giáo dục và chống mù chữ.

- Bồi dưỡng đáp ứng các yêu cầu về năng lực ứng dụng CNTT và chuyển đổi số theo vị trí việc làm của viên chức theo quy định.

4.2. Rà soát, kiện toàn và nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và làm công tác thống kê trong ngành Giáo dục ở tất cả các cấp: Sở, phòng và nhà trường.

4.3. Hướng dẫn các nhà trường đẩy mạnh áp dụng mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật (giáo dục STEM/STEAM); phát triển tư duy lập trình, triển khai các chương trình về khoa học máy tính phù hợp; đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

5. Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong GDĐT

5.1. Rà soát và có kế hoạch mua sắm bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, dạy môn Tin học, dạy học trực tuyến và làm việc trực tuyến; đảm bảo kết nối cáp quang Internet tới các cơ sở giáo dục.

5.2. Có biện pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin đối với các hệ thống CNTT. Thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin. Đẩy mạnh tuyên truyền tới toàn thể cán bộ, giáo viên và học sinh kỹ năng nhận biết, phòng tránh các nguy cơ mất an toàn thông tin khi sử dụng các phần mềm trực tuyến và thiết bị cá nhân như điện thoại thông minh, máy tính bảng, máy tính cá nhân.

Tăng cường thu hút các nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo. Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu bảo đảm thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Đẩy mạnh thu hút các nguồn lực xã hội hóa đầu tư trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Tham mưu các cấp chính quyền ưu tiên nguồn lực đầu tư mua sắm thiết bị dạy học trực tuyến phục vụ nhà trường, giáo viên và học sinh; huy động các nguồn lực xã hội ủng hộ, tài trợ thiết bị dạy học trực tuyến cho học sinh và giáo viên ở những nơi còn khó khăn; đề nghị các nhà mạng trên địa bàn có chính sách hỗ trợ, ưu đãi đặc biệt về dịch vụ Internet (đặc biệt là giảm giá cước 3G, 4G) cho học sinh, giáo viên và nhà trường sử dụng dạy học trực tuyến.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN

1. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ phận phụ trách CNTT, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục:

a) Đối với các phòng GDĐT: Phân công lãnh đạo phụ trách và chuyên viên làm đầu mối theo dõi triển khai nhiệm vụ CNTT và công tác thống kê giáo dục.

b) Đối với cơ sở giáo dục: Thành lập Tổ Giúp việc CNTT, trong đó phân công lãnh đạo nhà trường phụ trách và giáo viên, viên chức nhà trường làm thành viên để thực hiện triển khai nhiệm vụ CNTT và công tác thống kê giáo dục.

c) Triển khai tập huấn giáo viên bằng hình thức kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, đảm bảo 100% giáo viên được cấp tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng

qua mạng một cách chủ động, thường xuyên.

d) Tổ chức các khóa bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT và chuyển đổi số cho giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý giáo dục và học sinh. Nội dung bồi dưỡng gắn với nhu cầu thực tiễn về triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục, xem xét lựa chọn các nội dung phù hợp về: Kỹ năng tổ chức, quản lý các hoạt động dạy học kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến; kỹ năng thiết kế bài giảng e- Learning, video bài giảng, thiết bị dạy học số; kỹ năng quản lý, triển khai có hiệu quả các phần mềm quản trị trong cơ sở giáo dục; nâng cao nhận thức và kỹ năng về an toàn thông tin.

2. Cơ sở giáo dục xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT và chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025: Xác định mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể triển khai trong từng năm học; tăng cường các nguồn lực đầu tư cho ứng dụng CNTT và chuyển đổi số; phối hợp có hiệu quả việc đầu tư với thuê dịch vụ CNTT.

3. Tăng cường công tác thể chế: Các cơ quan, đơn vị chủ trì quản lý hệ thống thông tin và CSDL giáo dục lưu ý việc tăng cường rà soát và hoàn thiện quy chế quản lý, vận hành và khai thác sử dụng các hệ thống CNTT; phân công cụ thể trách nhiệm về quản lý và khai thác sử dụng dữ liệu theo quy định (giao trách nhiệm các phòng/bộ phận chuyên môn rà soát, đối chiếu và chuẩn hóa đảm bảo tính chính xác của dữ liệu thành phần của từng cấp học trên CDSL ngành); đảm bảo tuân thủ các quy định nhà nước về thông tin cá nhân, quy định về sở hữu dữ liệu.

4. Đảm bảo nguồn lực triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số giáo dục

a) Rà soát và có kế hoạch mua sắm bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, tổ chức dạy môn Tin học, tổ chức dạy học trực tuyến và làm việc trực tuyến; đảm bảo kết nối cáp quang Internet, dịch vụ Internet không dây trong các cơ sở giáo dục; đảm bảo đủ thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học; từng bước hình thành phòng thiết kế học liệu số và dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục.

b) Có biện pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin đối với các hệ thống CNTT. Thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin. Đẩy mạnh tuyên truyền tới toàn thể cán bộ, giáo viên và học sinh kỹ năng nhận biết, phòng tránh các nguy cơ mất an toàn thông tin khi sử dụng các phần mềm trực tuyến và thiết bị cá nhân như điện thoại thông minh, máy tính bảng, máy tính cá nhân; trang bị các phần mềm phòng chống virus có bản quyền; tuyệt đối đảm bảo an toàn, an ninh dữ liệu của hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục.

c) Tham mưu các cấp chính quyền ưu tiên nguồn lực đầu tư mua sắm thiết bị dạy học trực tuyến phục vụ cơ sở giáo dục, giáo viên và học sinh; huy động các nguồn lực xã hội ủng hộ, tài trợ thiết bị dạy học trực tuyến cho học sinh và giáo viên ở những nơi còn khó khăn; đề nghị các nhà mạng trên địa bàn có chính sách hỗ trợ, ưu đãi đặc biệt về dịch vụ Internet (đặc biệt là giảm giá cước 3G, 4G) cho

học sinh, giáo viên và cơ sở giáo dục.

5. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý và giáo viên về vai trò của ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong các hoạt động GDĐT và các kết quả ứng dụng CNTT đã đạt được; triển khai các hoạt động hưởng ứng ngày chuyển đổi số quốc gia vào ngày 10 tháng 10 hàng năm.

6. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đánh giá việc chuẩn bị các điều kiện đảm bảo về nhân lực, cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị và việc triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, công tác thống kê trong giáo dục; tổ chức đánh giá, công bố chỉ số chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ nhiệm vụ CNTT năm học 2022-2023 tại Công văn này, yêu cầu các phòng GDĐT, các cơ sở giáo dục trực thuộc triển khai thực hiện có hiệu quả theo đúng hướng dẫn, cụ thể:

1. Đối với các phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc Sở GDĐT

a) Phòng QLCL-CNTT: Chủ trì tham mưu văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện ứng dụng CNTT và thống kê giáo dục năm học 2022-2023; tổng hợp báo cáo từ các phòng chuyên môn, nghiệp vụ để gửi Bộ GDĐT.

b) Phòng TCCB-CTTT: Hỗ trợ các cơ sở giáo dục nhập đúng, đủ các yêu cầu về nhân sự và những vấn đề liên quan đến nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu về nhân sự trên CSDL Ngành.

c) Phòng KHTC: Hỗ trợ các cơ sở giáo dục nhập đúng, đủ các yêu cầu về cơ sở vật chất, tài chính và những vấn đề liên quan đến nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu về CSVC trên CSDL Ngành.

e) Phòng GDTrH-GDTX: Có trách nhiệm đôn đốc, theo dõi quá trình thực hiện của cấp học THCS, THPT và GDTX, chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu được phân công phụ trách.

f) Phòng GDTH-GDMN: Có trách nhiệm đôn đốc, theo dõi quá trình thực hiện của cấp học Mầm non, Tiểu học, chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu được phân công phụ trách.

2. Đối với các phòng GDĐT và các đơn vị trực thuộc

- Xây dựng kế hoạch, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc triển khai nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2022-2023. Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai nhiệm vụ của các đơn vị đề nghị gửi về Sở GDĐT (qua email nội bộ Phòng QLCL-CNTT để tổng hợp) trước ngày 15/10/2022.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình triển khai nhiệm vụ ứng dụng CNTT và chuyển đổi số sau khi kết thúc học kỳ 1 và gửi về Sở GDĐT (qua email nội bộ Phòng QLCL-CNTT để tổng hợp) trước ngày 25/01/2023. Tổ chức đánh giá, tổng kết triển khai nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và gửi về Sở

GDDT (qua email nội bộ Phòng QLCL-CNTT để tổng hợp) trước ngày 10/6/2023.

Trên đây là Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT và thống kê giáo dục năm học 2022-2023 của Sở GDĐT Đắk Lắk.

Nơi nhận:

- Cục CNTT - Bộ GDĐT (để b/c);
- Ban Giám đốc (để b/c);
- Các CM, NV của Sở (để p/h);
- Các đơn vị như kính gửi (để t/h);
- Lưu: VT, phòng QLCL-CNTT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đỗ Tường Hiệp